

BẢN TIN

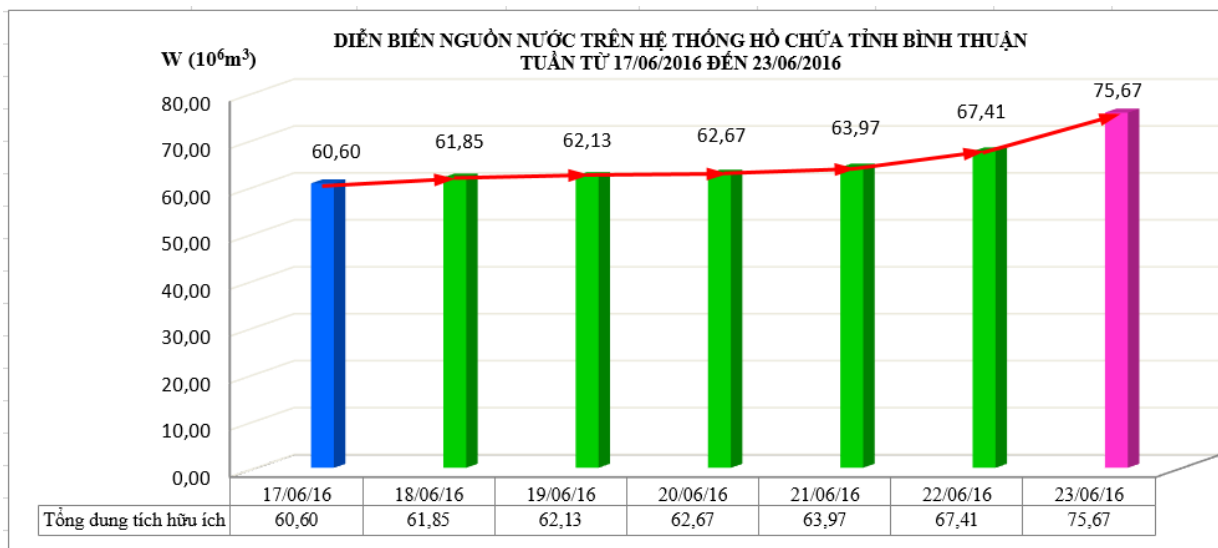
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016

(Tuần từ 24/06/2016 đến 30/06/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 17/06 - 23/06/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 17/06/2016 đến 23/06/2016 được trình bày tại Hình 1. Trong tuần vừa qua, trên địa bàn tỉnh hầu hết các ngày đều có mưa nên có nguồn nước bổ sung cho các hồ, đập. Tổng dung tích các hồ có xu hướng tăng so với đầu tuần, mức tăng bình quân đạt 2,51 triệu m³/ngày, tổng lượng tăng là 15,07 triệu m³.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 17/06-23/06/2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 23/06/2016

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 23/06/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 75,67 triệu m³, đạt 34,94 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Vì tuần qua trên địa bàn tỉnh, lượng mưa phân bố không đều nên còn 2 hồ cạn nước gồm: hồ Sông Móng và hồ Núi Đất; 4 hồ lượng nước tích còn ít (ít hơn 30% dung tích hữu ích thiết kế) gồm : hồ Đá Bạc (13,20%), hồ Sông Khán (20,65%), hồ Sông Quao (28,54%), hồ Suối Đá (26,51%).

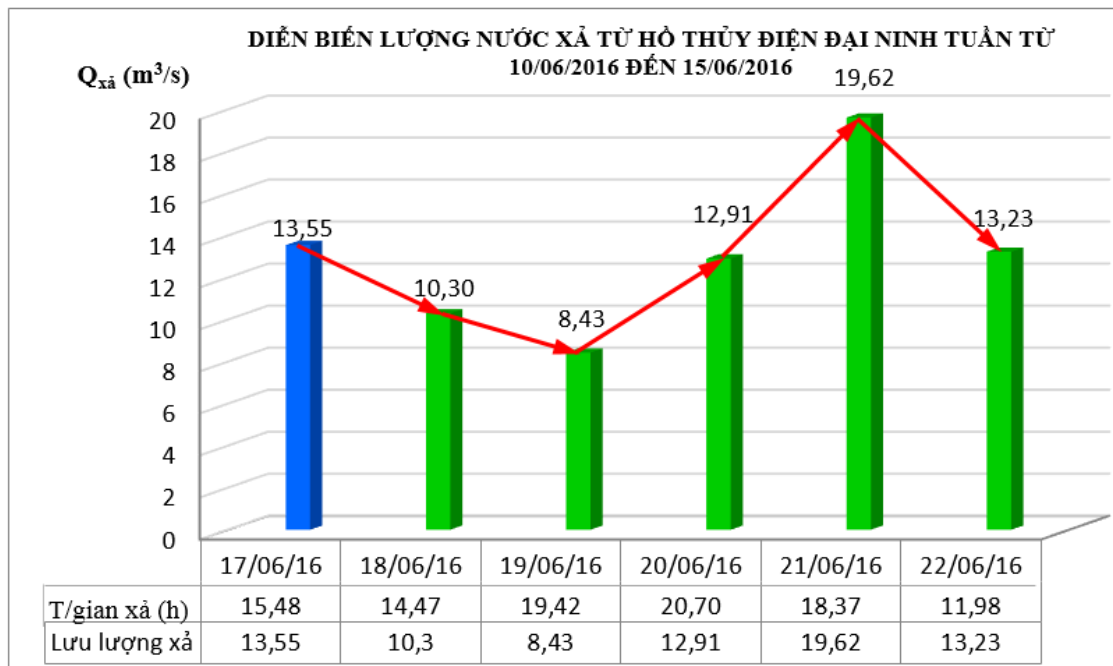
Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 23/06/2016

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH ($10^6 m^3$)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	0,983	4,87	9,718	0,392	4,478	▼ 0,591	13,20%
2	Lòng Sông	13,85	37,16	40,271	3,464	33,696	▲ 10,386	30,82%
3	Cà Giây	31,364	36,921	63,209	8,409	28,512	▲ 22,955	80,51%
4	Sông Khán	0,623	2,014	2,52	0,261	1,753	▲ 0,362	20,65%
5	Sông Quao	24,905	73	80	5,7	67,3	▲ 9,205	28,54%
6	Suối Đá	3,356	9,131	12,786	1,273	7,858	▲ 2,083	26,51%
7	Cầm Hang	0,857	1,18	1,215	0,013	1,167	▲ 0,844	72,30%
8	Sông Móng	3,314	37,156	51,515	2,985	34,171	▲ 0,329	0,96%
9	Ba Bàu	7,198	6,938	11,403	0,964	5,974	▲ 6,234	104,36%
10	Đu Đu	1,325	3,664	5,217	0,297	3,367	▲ 1,028	30,52%
11	Tân Lập	1,147	1,07	1,52	0,07	1	▲ 1,077	107,65%
12	Tà Mon	0,486	0,657	0,72	0,05	0,607	▲ 0,436	71,83%
13	Núi Đất	0,566	8,466	9,648	0,566	7,9	▲ 0	0,00%
14	Trà Tân	4,631	3,888	8,333	0,403	3,485	▲ 4,228	121,33%
15	Sông Phan	2,212	3,022	3,579	0,172	2,85	▲ 2,04	71,56%
16	Phan Dũng	5,105	13,674	18,925	1,233	12,441	■ 3,872	31,12%
Tổng Cộng		101,921	242,811	320,579	26,252	216,559	75,669	34,94%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Thể hiện dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với đầu tuần (ngày 17/06/2016)

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 23/06/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 37,6 triệu m^3 /251,7 triệu m^3 , đạt 14,94 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 0,01 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 17/06/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 17/06/2016 đến 22/06/2016

Tính đến ngày 23/06/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 96,9 triệu m^3 / 522,5 triệu m^3 , đạt 18,54% so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 1,85 triệu m^3

so với đầu tuần (ngày 17/06/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 23/06/2016

Stt	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH ($10^6 m^3$)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	Đại Ninh	105,640	319,770	549,820	68,040	251,730	37,600	14,94%
2	Hàm Thuận	269,622	695,230	976,650	172,730	522,500	96,892	18,54%
	Tổng Cộng	375,263	1,015,000	1,526,470	240,770	774,230	134,493	17,37%

Từ ngày 17/06/2016 đến ngày 23/06/2016, Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và Thủy điện Đại Ninh cơ bản đảm bảo duy trì thời gian và lưu lượng chạy máy phát điện kết hợp cấp nước về hạ du theo Biên bản thống nhất kế hoạch điều tiết nước hồ thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và Đại Ninh ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Thuận với các Nhà máy Thủy điện.

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 06/2016	Dự báo KTTV tuần 3 tháng 06/2016 (Từ ngày 21/06-30/06/2016)
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>-Dự báo lượng mưa tháng 6/2015 đạt xấp xỉ và có nơi cao hơn TBNN. Cụ thể ở các khu vực như sau: Đức Linh, Tánh Linh và vùng núi Hàm Thuận Bắc (Đông Giang) phổ biến: 300 - 400mm, với 18 - 20</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo lượng mưa phổ biến từ: khu vực phía bắc tỉnh 40 - 60mm với 4 đến 6 ngày mưa, khu vực trung tâm và phía nam tỉnh 50 - 75mm có nơi 80 - 120mm với 5 đến 7</p>

ngày mưa. Khu vực trung tâm và ven biển phía nam: 100 - 150mm có nơi 150 - 250mm, với 14 - 16 ngày mưa. Khu vực phía bắc: 50 - 75mm có nơi 80 - 120mm, với 10 - 12 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 120 - 140mm.

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 116,50m; Hmax = 118m;
Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,30m; Hmax = 24,00m
Hmin = 23,00m.

ngày mưa, khu vực phía nam 80 - 120mm, vùng núi phía Tây và Tây nam 100 - 150mm có nơi 150 - 200mm với 7 - 9 ngày mưa, đạt xấp xỉ và trên TBNN.

- Tổng lượng bốc hơi: 30 - 40mm.

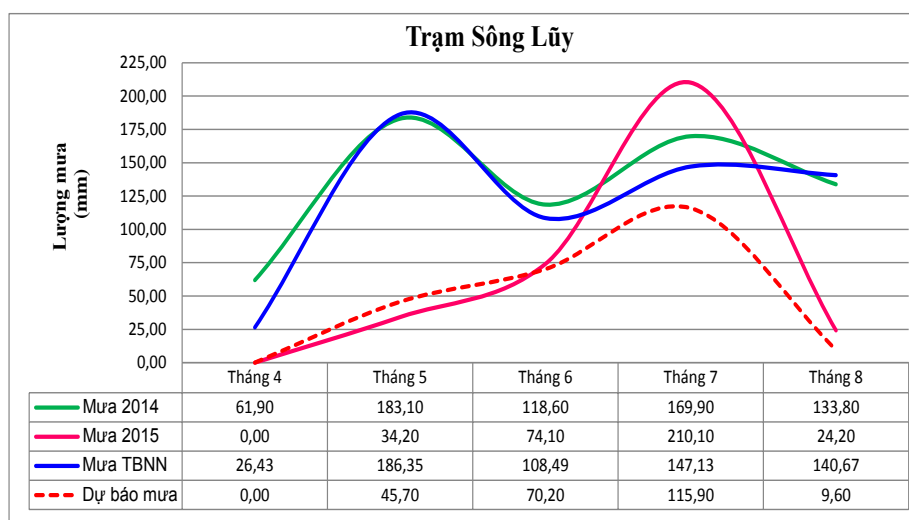
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ và có khả năng xảy ra lũ nhỏ vào cuối tuần. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

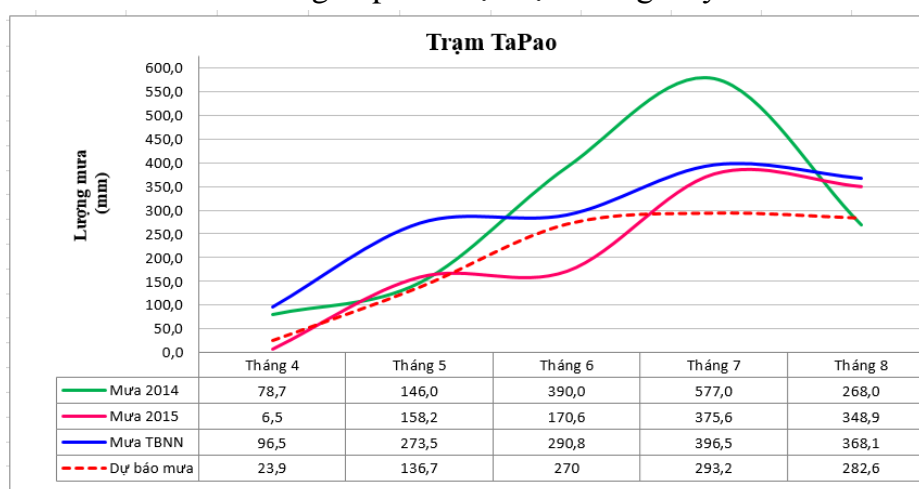
+ Tà Pao: Htb=116,50m; Hmax = 119,00m; Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,35m; Hmax = 25,00m; Hmin = 23,00m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Sông Lũy



Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 6 – 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (10^6 m^3)			
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng cộng (10^6 m^3)
1	Hồ Đá Bạc	-	-	0,05	0,05
2	Hồ Phan Dũng	1,81	1,61	3,48	6,9
3	Hồ Lòng Sông	0,26	1,31	6,16	7,73
4	Đập Sông Lũy	22,34	35,57	42,72	100,63
5	Hồ Cà Giây	4,28	2,79	6,03	13,1
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	41,27	21,97	31,85	95,09
7	Hồ Sông Quao	27,79	34,04	46,82	108,65
8	Hồ Suối Đá	1,56	1,02	2,2	4,78
9	Hồ Sông Khán	1,04	0,7	1,5	3,24
10	Hồ Cà Giang	1,24	0,57	0,32	2,13
11	Hồ Cẩm Hang	0,65	0,72	0,88	2,25
12	Hồ Sông Móng	3,37	3,14	7,21	13,72
13	Đập Ba Bàu	7,54	6,38	13,93	27,85
14	Hồ Đu Đủ	0,6	0,91	0,83	2,34
15	Đập Sông Phan	12,16	12,86	14,73	39,75
16	Hồ Tân Lập	0,52	2,2	1,37	4,09
17	Hồ Tà Mon	0,99	0,98	3,62	5,59
18	Hồ Núi Đất	0,99	0,98	3,62	5,59
19	Hồ Sông Dinh	24,03	53,73	84,29	162,05
20	Đập Cô Kiều	0,78	0,78	2,89	4,45
21	Sông La Ngà (Tới đập Tà Pao)	197,8	158,86	213,01	569,7
22	Hồ Trà Tân	2,2	2,22	4,21	8,63
	Tổng cộng				1.188,28

Theo Biên bản thống nhất ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận với các Nhà máy Thủy điện. Dự kiến lượng nước xả tới tháng 6 của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau :

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng				Tổng (10^6 m^3)
		5	6	7	8	
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	2	5	11	11	23,1
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	8	7	7	
Hàm Thuận-Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	25	20	36	36,2	167,3
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	16	12	12	12	

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (từ tháng 6 đến tháng 8) được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 là 166,6 triệu m³ (trong đó tháng cần nhiều nước nhất là tháng 6: 85,4 triệu m³ và tháng 7 : 50,3 triệu m³).

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

TT	LV Sông, hồ	Vụ Hè Thu 2016						
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)			Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)			
		Lúa	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng
Tổng cộng		33787,6	14761,4	647,5	85,4	50,3	30,8	166,55
1	Hồ Đa Bạc	271,4	54	-	0,72	0,50	-	1,21
2	Hồ Phan Dũng	124	108	-	0,54	0,45	-	0,99
3	Hồ Lòng Sông	3062	195	79,2	8,21	5,81	-	14,02
4	Đập Sông Lũy	6.378,80	294	-	18,35	15,51	12,98	46,85
5	Hồ Cà Giấy	1.410,00	396	-	4,17	3,54	2,99	10,70
6	Đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn...	1.027,00	276	-	4,17	3,75	3,34	11,26
7	Hồ Sông Quao	6369	6622,81	-	11,54	17,40	7,40	36,35
8	Hồ Suối Đá	235	470	-	0,36	0,60	0,20	1,16
9	Hồ Sông Khán	74	34	-	0,13	0,20	0,08	0,41
10	Hồ Sông Móng	-	178	-	-	-	-	-
11	Đập Ba Bàu	726,32	3640	-	1,73	0,49	1,03	3,24
12	Hồ Đu Đủ	97	987,67	-	0,22	0,05	0,13	0,40
13	Đập Sông Phan	1	604,8	-	0,07	0,07	0,07	0,21
14	Hồ Tân Lập	-	473,76	-	-	-	-	-
15	Hồ Tà Mon	-	137,4	-	-	-	-	-
16	Hồ Núi Đất	430	226	-	1,26	0,52	0,84	2,62
17	Hồ Sông Dinh	417	64	-	2,01	1,33	1,64	4,98
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	0,14	0,08	0,11	0,33
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	13.024,20	-	568,3	31,73	-	-	31,73
20	Hồ Trà Tân	100,9	-	-	0,09	-	-	0,09

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 24/06/2016 đến 30/06/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 30/06/2016 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh hầu hết đều tăng, tổng dung tích hữu ích các hồ chứa đến ngày 30/06/2016 đạt

94,4 triệu m³ (chiếm 43,59% so với dung tích thiết kế), tăng 18,74 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 23/06/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 30/06/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10 ⁶ m ³)	Nguồn nước hiện tại - 23/6/2016			Dự kiến nguồn nước đến 30/6/2016		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 23/6/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 30/6/2016 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	26,75	0,591	13,20%	27,61	▲ 1,0561	23,58%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	64,54	10,386	30,82%	66,45	▲ 13,171	39,09%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	73,56	22,955	80,51%	74,41	▲ 27,099	95,04%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	103,02	0,362	20,65%	103,88	▲ 0,577	32,92%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	78,83	19,205	28,54%	80,01	▲ 23,187	34,45%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	44,62	2,083	26,51%	45,09	▲ 2,889	36,77%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,39	0,844	72,30%	24,99	▲ 1,162	99,55%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	65,26	0,329	0,96%	67,14	▲ 3,191	9,34%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	42,07	6,234	104,36%	42,07	■ 6,234	104,36%
10	Hồ Đu Đù	61	3,367	58,29	1,028	30,52%	58,94	▲ 1,457	43,28%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,17	1,077	107,65%	44,17	■ 1,077	107,65%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,60	0,436	71,83%	46,50	▲ 0,607	100,00%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	17,00	0,000	0,00%	18,42	▲ 0,801	10,14%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,25	4,228	121,33%	95,25	■ 4,228	121,33%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	68,10	2,040	71,56%	70,00	▲ 2,851	100,00%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	201,30	3,872	31,12%	202,10	▲ 4,818	38,73%
	Tổng		216,559		75,67	34,94%		94,40	43,59%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu, dự báo từ 24/06-31/8/2016 sẽ có:

- + 02/20 hồ/đập nguồn nước ít để bố trí diện tích tưới bao gồm: Hồ Đá Bạc (84,99%), hồ Núi Đất (84,82%).
- + 18/20 hồ/đập có khả năng đáp ứng cho vụ Hè Thu: Đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới, Tú Sơn..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đù, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, đập Cô kiều, Sông La Ngà (tới đập TaPao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu						
		Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³)				Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2016	Tháng thiếu nhiều nước nhất	
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng		Tỷ lệ đáp ứng	Tháng
1	Hồ Đá Bạc	0,108	0,074		0,182	84,99%	84,98%	Tháng 7
2	Hồ Phan Dũng	0	0		0	100%	100%	
3	Hồ Lòng Sông	0	0		0	100%	100%	
4	Đập Sông Lũy	0	0		0	100%	100%	
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	0	100%	100%	
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	0	100%	100%	
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	0	100%	100%	
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	0	100%	100%	
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	0	100%	100%	
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	0	100%	0%	
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	0	100%	100%	
12	Hồ Đu Đủ	0	0	0	0	100%	100%	
13	Đập Sông Phan	0	0	0	0	100%	100%	
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	0	100%	100%	
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	0	100%	0%	
16	Hồ Núi Đất	0,276	0,078	0,041	0,395	84,82%	78,03%	Tháng 6
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	0	100%	100%	
18	Đập Cô Kiều	0	0	0	0	100%	100%	
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0			0	100%	100%	
20	Hồ Trà Tân	0			0	100%	100%	
Tổng					0,577			

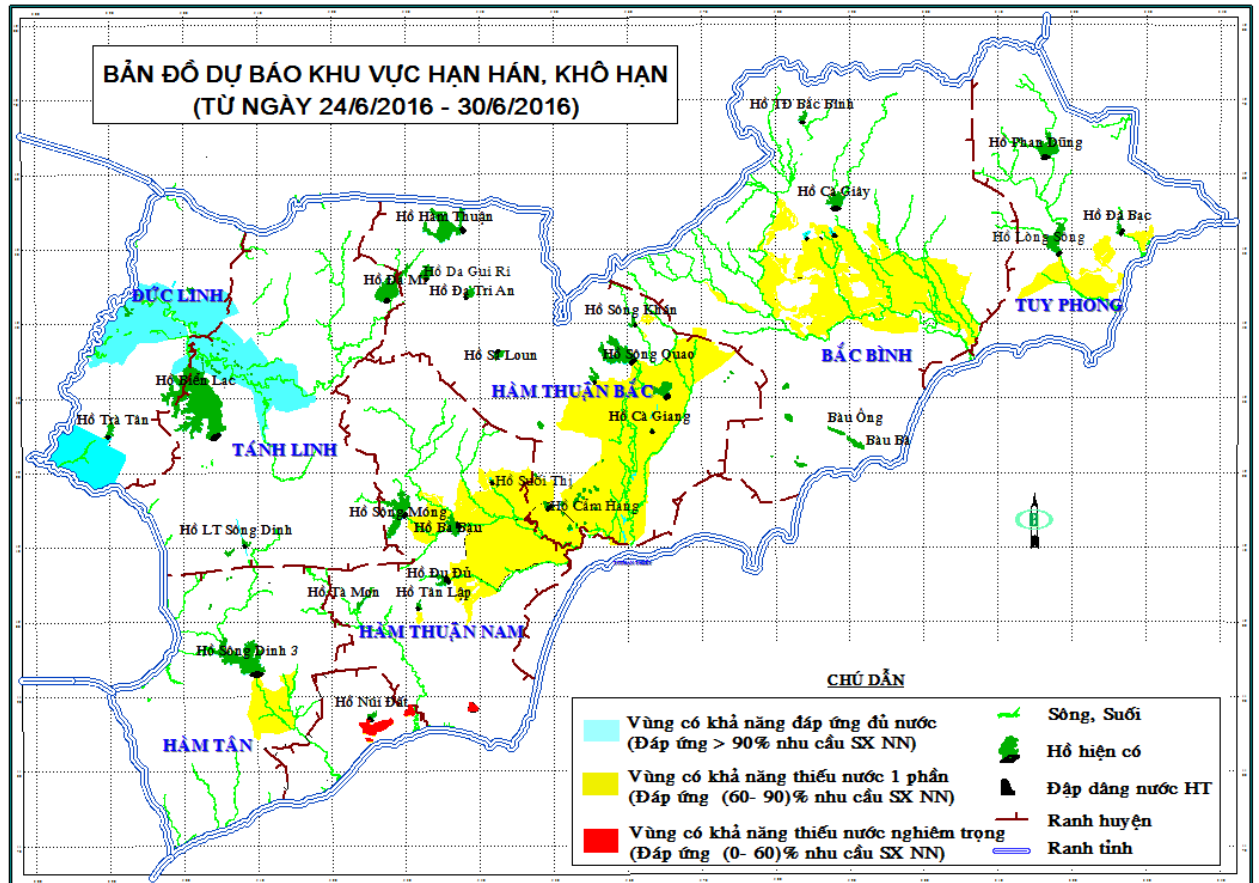
Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, mưa đã xuất hiện trên diện rộng toàn tỉnh tuy nhiên ngành nông nghiệp địa phương cần: Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước xả của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi; Thường xuyên theo dõi diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch xuống giống hợp lý cho vụ Hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 30/06/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt 94,4 triệu m³ (chiếm 43,59% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 30/6/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông: 13,17 triệu m³, hồ Phan Dũng: 4,82 triệu m³, hồ Đá Bạc 1,05 triệu m³ nên có thể xuống giống lúa vụ Hè Thu;

- Hồ Cà Giây: 27,1 triệu m³ nên tiếp tục xuống giống lúa vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Quao: 23,18 triệu m³ nên có thể xuống giống lúa vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Móng: 3,19 triệu m³, đập Ba Bàu: 6,23 triệu m³, hồ Tà Mon: 0,607 triệu m³, hồ Đu Đủ: 1,45 triệu m³, hồ Tân Lập: 1,07 triệu m³ nên có thể xuống giống lúa vụ Hè Thu;
- Hồ Núi Đất : 0,8 triệu m³, hồ sông Dinh 3: 3,97 triệu m³, ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho Thị xã LaGi, có thể trồng cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo các vùng/khu vực có khả năng hạn hán, thiếu nước từ ngày 24/06/2016 đến ngày 30/06/2016

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 23/06/2016

(Lưu ý: Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.